

## LOẠI TỪ VÀ DANH NGỮ

LÝ TOÀN THẮNG

*Viện Ngôn ngữ học - TTKH Xã hội & Nhân văn QG*

1. Nói đến việc nghiên cứu danh từ và danh ngữ của Tiếng Việt, có lẽ giới ngôn ngữ học Việt Nam rất dễ nhất trí với nhau rằng từ trước tới nay, chưa có ai nghiên cứu về hai địa hạt này đạt đến một mức độ kỹ lưỡng, toàn diện và sâu sắc như Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn, xét trên cả hai phương diện lý thuyết và ngữ liệu.

Là một học trò của Giáo sư, tôi có may mắn nhiều lần được hỏi chuyện ông ở Hà Nội, Moskva, về việc nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt. Trong những cuộc chuyện trò tâm tình đó, bao giờ Ông cũng mong muốn có ai đó trong chúng tôi làm thêm, làm mới về danh từ và danh ngữ.

Nhưng... cho đến hôm nay hình như cũng chưa có một nghiên cứu mới nào có tầm cỡ hai địa hạt này. Ở đây, có nhiều lý do khác nhau; song theo tôi, có một lý do quan trọng: thực sự khó lòng có thể đóng góp gì nhiều vào lý thuyết về danh ngữ (và danh từ) của Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn, nếu như ta chỉ dừng lại trong khuôn khổ của ngữ pháp học những năm 60-70 (của thế kỷ này), tức là thời kỳ Giáo sư thực hiện những công trình chủ yếu về ngữ pháp của Ông (những thành tựu nghiệm thành công đầu tiên về phương pháp phân bố của miêu tả luận trong Việt ngữ học), mà giai đoạn rất rực rỡ của nền Đông phương học Xô Viết nói chung và ngữ pháp học nói riêng.

Nói như thế, tức cũng có nghĩa là: cần phải tìm kiếm một cách tiếp cận khác với cách tiếp cận của Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn, trên cơ sở những thành tựu mới đây của ngôn ngữ học hiện đại.

2. Cách tiếp cận của Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn trong hai cuốn sách ngữ pháp nổi tiếng của Ông ("*Ngữ pháp tiếng Việt: Tiếng - từ ghép - đoản ngữ*" và "*Từ loại danh từ trong Tiếng Việt hiện đại*"), về cơ bản là cách tiếp cận **cấu trúc luận** (với chủ đích là **miêu tả và phân loại**, mặc dù Ông ít nhiều cũng đã có chú ý tới chức năng. Điều này cũng dễ hiểu khi đặt trong bối cảnh những năm 70. Những năm 80 trở về sau này, trong ngôn ngữ học ở Liên Xô (cũ) nói riêng, dần dần nổi lên như một khuynh hướng chủ đạo là xu thế **chức năng luận** và mới đây nữa là **tri nhận luận**.

Đi theo những khuynh hướng này của ngôn ngữ học hiện đại, trong khuôn khổ cho phép của bài báo, tôi muốn nêu lên một vài suy nghĩ trở lại về danh ngữ - xét trong trường hợp khi trung tâm của nó là loại từ (từ chỉ loại).

3. Một trong những đóng góp quan trọng nhất của Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn vào ngữ pháp học tiếng Việt (và thuộc loại vấn đề được Ông dụng công nhiều nhất), theo ý tôi, là Ông đã nghị dựa vào đoản ngữ để phân định từ loại và tiểu loại.

Vì thế, Ông đã trình bày về loại từ ở phần thành tố trung tâm của danh ngữ. Dựa theo điểm về "**tổ chức**" (chữ của Ông), Ông đã đề xuất sự phân biệt các **dạng** danh ngữ:

So sánh:

- Dạng đầy đủ: *Ba người này*
- Dạng thiếu: *+ ba bát*

+ *bát này*

+ *ba cái*

Đi sâu vào loại từ, tạm dừng ở giải pháp hai trung tâm T1 và T2, Ông đưa ra ba biến dạng ở phạm trù trung tâm danh ngữ:

- Dạng đầy đủ : *Con chim*

- Dạng thiếu : + *Chim (này)*

+ *Con (này)*

Trên cơ sở tiêu chí về sự có mặt của loại từ, của từ chỉ số lượng, từ chỉ xuất "cái" v.v..., đề nghị phân biệt một số tiểu loại trong từ loại danh từ, trong đó đáng lưu ý là các tiểu loại:

1) Danh từ biệt loại VS danh từ không phân biệt, so sánh: (*một con*) *chim* VS: (*một cốc*)

2) Danh từ trực tiếp đếm được VS, danh từ không trực tiếp đếm được, so sánh: (*một*) *tĩnh (một cây) tre, (một cân) muối*.

Hai sự đối lập này, như có thể thấy, đều có liên quan tới các từ **chỉ đơn vị** bao gồm từ **chỉ vị tự nhiên** (còn gọi là **loại từ, từ chỉ loại**) như *con, cái* và từ **chỉ đơn vị quy ước** như *cân,*

Một điều nữa cần được nhấn mạnh ở đây là: Sau những đắn đo và cân nhắc, Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn đã chấp nhận giải pháp coi *cuốn sách* là tổ hợp trong đó *cuốn* là trung tâm và là thành tố phụ, mặc dù Ông vẫn thấy "đó là một cách giải quyết khá xa lạ so với truyền thống Đông phương học" và theo đó "phải công nhận rằng danh từ trong tiếng Việt phần lớn đều đếm không giống với danh từ ở nhiều ngôn ngữ khác (...), chúng về căn bản là danh từ xếp vào không đếm được (Nguyễn Tài Cẩn, 1975, [214-215]).

4. Trong cách tiếp cận của Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn, như vừa trình bày, có thể nhận thấy trên thực tế, Ông đã nghiên cứu các biến dạng của danh ngữ dựa vào **cấu trúc** của nó, cụ thể là sự có mặt hay vắng mặt của các **kiểu thành tố phụ** (vì bao giờ cũng phải có sự tồn tại của trung tâm!). Hãy thử liệt kê:

- *Con gà*                    - *Ba con gà*

- *Con này*                    - *Ba con này*

- *Ba con*                    - *Ba con gà này*

Một câu hỏi đặt ra là: có chăng một cách nhìn nhận khác những "biến dạng" trên (không từ góc độ "tổ chức nội bộ của đoạn ngữ"); chẳng hạn, xem xét chức năng của chúng trong biểu đạt các ý nghĩa khi chúng tham gia vào những biểu đạt (expressions) hay những kết cấu (structions).

Xét theo phương diện này, có thể nhận thấy danh ngữ có chứa loại từ được dùng trong những biểu đạt với những mục đích khác nhau. Xin nêu hai thí dụ minh họa:

A. Biểu đạt ngôn ngữ để nhận diện một thực thể (người, con vật, đồ vật ...), trả lời cho những câu hỏi như (so sánh với những câu hỏi có *Kto, Chto* của Tiếng Nga, *Who, What* của Tiếng Anh):

- *Đây là cái gì? Cái cốc.*

- *Cái này là cái gì? Cái cốc.*

- *Cái gì đây? Cái cốc.*

So sánh với:

- *Đây là màu gì? Màu xanh.*

- *Màu này là màu gì? Màu xanh.*

- *Màu gì đây? Màu xanh.*

Hoặc với:

- *Đây là nước gì? Nước Nga.*

- *Nước này là nước gì? Nước Nga.*

- *Nước gì đây? Nước Nga.*

Ở đây, qua các ví dụ, có thể nhận xét:

Cương vị ngữ pháp của loại từ *cái* không khác gì với các danh từ đích thực như *màu, nước* (nên khó lòng không coi *cái* là trung tâm của danh ngữ).

Trong kiểu kết cấu nhận diện này, cũng khó lòng nghĩ rằng, các danh ngữ như *cái cốc, màu xanh, nước Nga* chỉ là một dạng thiếu nào đó của một dạng danh ngữ đầy đủ hơn (như *ba cốc ấy, hai loại màu xanh đó, một nước Nga vĩ đại v.v...*) bởi vì ý nghĩa nhận diện không đòi sự tính đếm. Ngay cả khi có số từ thì trong trường hợp như:

- *Ông ấy là một nhà ngôn ngữ học xuất sắc.*

Về thứ hai trong đẳng thức "danh - là- danh" ở đây cũng chỉ biểu hiện một loại nhất ("nhà ngôn ngữ học xuất sắc" khác với loại bình thường), chứ không phải **biểu hiện cá thể**.

**B.** Những biểu đạt được dùng để tính đếm các thực thể, có chứa số từ và trả lời cho hỏi "**Bao nhiêu?**". Thí dụ:

- *(Trong chuồng) có tám con gà.*

- *(Trong phòng) có một cái bàn và bốn cái ghế.*

Trong tiếng Việt đứng ở vị trí sau số từ có thể là nhiều kiểu hạng từ khác nhau. Theo C. Nguyễn Tài Căn, đó là những danh từ chỉ đơn vị, gồm hai loại:

+ Từ chỉ đơn vị tự nhiên:

- *Hai con lợn*

- *Ba bức thư*

+ Từ chỉ đơn vị quy ước:

- *Một mét vải*

- *Bốn cân thịt*

Cũng nhân đây xin được lưu ý thêm là: ở nước ngoài, có tác giả Lyons (1977) hay Dik (1989) quan niệm đây đều là loại từ cả nhưng gồm hai tiểu loại - loại từ thứ hạng (Sortal Classifiers) và loại từ đo lường (Measural Classifiers). Nhưng cũng có tác giả như Greenberg (1972, 1974) thì phân biệt loại từ và lượng từ (Quantifiers); hoặc như Triệu Nguyên Nhiệm (1968) thì gọi là từ đo lường (Measures) trong đó có loại từ; còn Hundius và Kolven (1983) gọi là từ chỉ đơn vị (Numeratives) trong đó bao hàm loại từ (Classifiers) và từ đo lường (Measures) v.v...

Ở những biểu đạt tính đếm này cũng khó lòng nghĩ rằng: *hai con lợn* là một dạng danh ngữ thiếu, bởi vì hầu như không gặp trong tiếng Việt những kết cấu có chứa danh ngữ ở dạng đầy đủ hơn, loại như:

- ?? *(Nhà tôi nuôi) hai con lợn này.*

- ?? (Trong phòng) có tất cả hai cái tủ đẹp ấy.

5. Có thể tiếp cận vấn đề loại từ từ góc độ của ngôn ngữ học tri nhận (Cognitive linguistics); tìm hiểu cách nhìn, cách nghĩ về thế giới (hay nói cách khác: cách cấu trúc hóa, m trừ hóa, ý niệm hóa và mô tả thế giới) của người Việt thể hiện qua loại từ.

Chỉ xin nêu lên một hai nhận xét bước đầu, có tính chất minh họa:

A. So với những tiếng khác, trong tiếng Việt việc thể hiện *hình thể* của sự vật và chất liệu như rất được coi trọng. Có nhiều loại từ và từ đo lường được dùng chung cho cả vật và chất, nữa là hình như ranh giới giữa vật và chất về phương diện này không phải là thực quan trọng. So h một vài ví dụ:

Từ chỉ đơn vị	Vật	Chất
<i>hòn</i>	<i>bi</i>	<i>đá</i>
<i>viên</i>	<i>đạn</i>	<i>đất</i>
<i>sợi</i>	<i>tóc</i>	<i>chỉ</i>
<i>dòng</i>	<i>sông</i>	<i>nước</i>
<i>que</i>	<i>tăm</i>	<i>sắt</i>
<i>thanh</i>	<i>kiếm</i>	<i>gỗ</i>
<i>tấm</i>	<i>bia</i>	<i>vải</i>

Thêm nữa, khi có số từ thì trong tiếng Việt số từ không kết hợp trực tiếp được với danh từ thị chất liệu; phải thêm vào một từ chỉ đơn vị ở trước danh từ để tạo ra *một hình thức* (thực được phân lập của chất (liệu) đó). So sánh, thí dụ:

Tiếng khác	Tiếng Việt
+ Nga	
- <i>Tri oblaka</i>	<i>Ba đám/tầng/vầng/mảnh mây</i>
+ Anh	
- <i>Two bones</i>	<i>Hai cái/khúc/cục/miếng/mẫu xương</i>

B. So với những tiếng khác, trong tiếng Việt, ngữ nghĩa của danh từ hình như thể hiện cách thức khác khi ý niệm hóa, phạm trù hóa thế giới khách quan. Ở đây ta cần chú ý phân cái ở ngoài ngôn ngữ (cái bàn, con bò thực, có tính vật chất, có thể đếm được) và cái được ánh vào ngôn ngữ ("cái bàn", "con bò" như biểu tượng hay ý niệm, có tính chất tinh thần, và có thể trong ngôn ngữ nào đó không đếm được - giống như đá, như nước).

Nếu nhìn vào loại từ để suy ra cách phạm trù hóa thế giới vật lý thì thấy người Việt đối trước hết hai phạm trù :

Động vật	Bất động vật
<i>Con</i> ↗ <i>người</i>	<i>Cái</i> <i>nhà</i>
↘ <i>chim</i>	

Nếu hình dung *con* là biểu thị một **tập hợp** (set) của **những cá thể** (*individual*) với tư cách **hành phần** (mang trong nó đầy đủ các thuộc tính của **tập hợp**) thì có thể lý giải được vì sao có hai chức năng mà mới nhìn có vẻ trái ngược với nhau<sup>1</sup>.

a) Phân loại sự vật, cụ thể là tách động vật ra khỏi các sự vật khác ("*con bò*" khác "*cái chuông*").

b) Cá thể hóa sự vật, tức là tách một con vật ra khỏi các con vật khác cùng chủng lo ("con bò" khác với "bò", với "bò Hà Lan").

Trong khi đó, *bò* không có tư cách của một tập hợp như vậy. "*Bò*" chỉ là một **quần thể** (*ensemble*) bao gồm các quần thể con (hay "tập hợp con"- "*subset*"), có tư cách như những nhóm nhỏ riêng biệt trong quần thể lớn. Hãy xem lại định nghĩa của danh từ *bò* trong từ điển tiếng Việt: "Động vật nhai lại, chân hai móng, sừng rỗng và ngắn, lông thường vàng, nuôi để lấy sức kéo, lấy thịt hay lấy sữa"; và sự chia nhỏ hơn ra các loại bò khác nhau: *bò sữa/bò thịt, bò đực/bò cái, bò rừng/bò nhà, bò Hà Lan/bò Ấn Độ* v.v... Trong tiếng Việt, do vậy, "*bò*" không biểu thị cá thể (hay tập hợp cá thể), trừ phi trong những ngữ cảnh đặc biệt; thí dụ:

- *Thôi chết rồi, bò dâu rồi!* (trong một cảnh huống như một hay vài con bò của gia chủ l kẻ gian bắt trộm chẳng hạn).

Vì không biểu thị cá thể, nên "*bò*" không đếm được trực tiếp, phải nhờ vào *con* (loại từ đứng trước (như trong: *hai con bò*)). "*Bò*" cũng không thể được miêu tả bằng định ngữ, nếu không nhờ vào sự cá thể hóa của *con*. So sánh:

- ?? (*Tôi thích*) *bò đẹp/bò đẹp này*.

- (*Tôi thích*) *con bò đẹp này*.

**Lời cảm ơn:** Nhân đây, tôi xin cảm ơn Giáo sư Trần Đại Nghĩa về những dịp trao đổi với Giáo sư xung quanh vấn đề này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adam K.L. and Conklin N.F. Toward a theory of natural classification. *Papers from the Ninth Regional Meeting*. Chicago Linguistic Society, 1973.
2. Adams K., Numeral Classifiers in Austroasiatic. *Noun Classes and Categorization*. Amsterdam, 1986.
3. Allan K. *Classifiers*, Language 53, 1977.
4. Beckez A.L. A linguistic image of nature: *The Burmese Numerative Classifier System*. Linguistic 165, 1975.
5. Berlin B., Tzeltal Numeral Classifiers: A Study in Ethnographic Semantics. The Hague, 1968.
6. Burling R., *How to Choose a Numeral Classifier in Burmese*. M.E. Spiro (ed.). *Context and Meaning in Cultural Anthropology*. New York, 1965.
7. Cao Xuân Hạo, *Về cấu trúc của danh ngữ trong tiếng Việt và các ngôn ngữ dân tộc phi Nam*. Hà Nội, 1992.
8. Chao Y.R (Triệu Nguyên Nhiệm). *A Grammar of Spoken Chinese*. Berkeley and Los Angeles, 1968.
9. Craig C. (ed.), *Noun Classes and Categorization (NCC)* Amsterdam, 1986.
10. Craig C., *Classifier Languages*. The Encyclopaedia of Language and Linguistics. Vol 2 Oxford, 1994.
11. Delancey S. *Toward a History of Tai Classifier System*. NCC Amsterdam, 1986.
12. Deny P.J. *What are the Noun Classifiers good for?* Papers from the 12th Regional Meeting of the Chicago Linguistic Society, 1976.

- Deny P.J. *The Semantic Role of Noun Classifiers*. NCC. Amsterdam, 1986.
- Dik S.C. *The Theory of Functional Grammar*. Part 1. Amsterdam, 1989.
- Dixon R.M.W. *Noun Classifiers and Noun Classes. Where have all the adjectives gone?* The Hague, 1983.
- Dixon R.M.W. *Noun Classes and Noun Classification in Typological Perspective*. NCC. Amsterdam, 1986.
- Erbaugh M.S. *Talking Stock: The Development of Chinese Noun Classifiers Historically and in Young Children*. NCC. Amsterdam, 1986.
- Erbaugh M.S. *Scissors, Paper, Stone: Perceptual Foundations for noun Classifier Systems*. Paper and Reports in Child Language Development. Vol.23, 1984.
- Greenberg J., Numeral classifiers and substantive number: *Problems in the genesis of a linguistic type*. Working papers in Language Universals 9, 1972.
- Greenberg J., *Studies in numerical system, 1: double numeral systems*. Working Papers in Languages Universals 14, 1983.
- Hundius H, and Konlver U., *Syntax and semantics of numeral classifiers in Thai*. Studies in Language 7.2, 1983
- Jones R.B., *Classifiers construction in South-east Asia*. JAOS 90, 1, 1970.
- Lakoff H. G., *Classifiers as a Reflection of mind*. NCC. Amsterdam.
- Lehman F.K., *Aspects of a formal theory of noun classifiers*. Studies in Language 3.2, 1979.
- Nguyễn Tài Căn. *Tiếng - Từ ghép - Đoán ngữ*. Hà Nội, 1975.
- Nguyễn Tài Căn. *Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại*. Hà Nội, 1975.
- Нгуен Таи Кан. *К вопросу о Классификаторов во Вьетнамском Языке*. Филологий Стран Востока, Ленинград, 1963.
- Lyons J. *Semantics*. Vol., II. Cambridge, 1977.
- Lý Toàn Thang. *Representation of Space in Vietnamese Classifiers*. Proceedings of the IV International Symposium "Panasiatic Linguistics". Bangkok, 1975.
- Phan Ngọc. *Thủ trở lại câu chuyện loại từ. Những vấn đề ngữ pháp tiếng Việt*. Hà Nội, 1988.
- Я. Ю. Плам. *Функционально - грамматическая характеристика классификаторов в системе грамматического строя изолирующих языков. Китая и юго-восточной Азии. Актуальные проблемы. Китайского Языкознания. Материалу VII Всероссийской Конференции по Китайскому Языкознанию*. М. 1994.
- Rosch E.E. *Human Categorization*. N. Warren (ed.) *Advances in Cross-Cultural Psychology*. London, 1975.
- Rudzka - Ostyn B. (ed.), *Topics in Cognitive Linguistics*. Amsterdam, 1988.
- Sharvy R. *May be English has no count nouns: Notes on Chinese Semantics*. Studies in Languages 2, 1978.
- T'sou B.K.. *The structure of nominal classifiers system*. Papers for the First International Conference on Austroasiatic Linguistics, Honolulu, Univ. of Hawaii (hoặc Jenner, Thompson and Ota (eds.), *Austroasiatic Studies, Part II*. Honolulu), 1973.
- V. A. Виноградоk. *Классификатор, Лингвистический Словар*. М. 1990

## PARTS OF SPEECH AND NOUNS PHRASES

LY TOAN THANG

*Institute of Linguistics*

*National Centre of Social Sciences & Humanities*

This paper is presented to Nguyen Tai Can, professor of linguistics at the Vietnam National University, Hanoi on the occasion of his 70th birthday.

In the study of the Vietnamese language, never has anyone had as a through research "Parts of Speech and Noun Phrase" as Nguyen Tai Can. In 1960s, his success in applying the distribution theory of the descriptive linguistics to parts of speech and noun phrase has been a great contribution to the study of the Vietnamese grammar.

At present, while highly appreciating Prof. Nguyen Tai Can's contribution, we would like to have a new view on this matter: "Considering parts of speech and noun phrases" from the view of functional grammar and cognitive linguistics.